|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN THỦ THỪA | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG THCS BÌNH CANG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 75 /BC-THCS.BC | *Thủ Thừa, ngày 08 tháng 6 năm 2022* |

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**NĂM HỌC 2021-2022**

*Thực hiện Quyết định số 8183/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;*

*Quyết định số 9091/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch dạy và học linh hoạt năm học 2021-2022 trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19;*

*Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 26);*

*Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy đinh về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông (Thông tư 22);*

*Công văn số 1699/HD-PGDĐT ngày 05/11/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022;*

*Công văn số 518/PGDĐT ngày 11/5/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn báo cáo tổng kết năm học 2021-2022.*

Trường THCS Bình Cang báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 như sau:

**I. Thực hiện chương trình giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh**

1. Đảm bảo an toàn trường học và các biện pháp phòng, chống dịch.

Trường có Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch Covid 19 trong trường học; có Phương án tổ chức dạy và học năm học 2021-2022 trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19; có Kế hoạch tổ chức dạy và học trực tiếp trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19

Ban phòng, chống dịch có lịch trực đảm bảo kịp thời xử lý tình huống khi có dịch bệnh xảy ra trong phạm vi trường học.

Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng dịch như: máy đo thân nhiệt, khử khuẩn, nước sát khuẩn, nước sạch rữa tay, nước uống, dụng cụ vệ sinh trường lớp; đảm bảo 100% học sinh, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh, khách đến liên hệ công tác đeo khẩu trang phòng dịch.

2. Xây dựng kế hoạch giáo dục linh hoạt của nhà trường

- Ưu điểm:

Trường có kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế đơn vị và địa phương. Giáo viên, nhân viên chủ động và nhanh chóng thích ứng với tình hình diễn biến dịch bệnh, đảm bảo thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình theo kế hoạch dạy học linh hoạt. Đa số học sinh tích cực học tập, kịp thời đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy học linh hoạt.

Công tác tập huấn, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học được chú trọng và triển khai kịp thời góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy học.

- Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân:

Một số học sinh chưa có đủ phương tiện học trực tuyến, phải học nhờ điện thoại thông minh của người thân nên còn bị động, nhiều lúc đang học điện thoại hết pin nên gián đoạn việc theo dõi; cá biệt có 3 học sinh lớp sáu không có phương tiện học trực tuyến nên đến khi vào học trực tiếp mới vào học.

Một bộ phận học sinh chưa tập trung chú ý trong quá trình dạy học trực tuyến nên chất lượng học tập bị ảnh hưởng.

- Kết quả đạt được.

Trường đã hoàn thành chương trình năm học 2021-2022 đúng kế hoạch, đảm bảo thực hiện chương trình 35 tuần. Đã tổ chức phụ đạo, bồi dưỡng cho 3 học sinh lớp sáu không học trực tuyến hoàn thành nội dung chương trình học kì 1 và làm bài kiểm tra bù đầy đủ, kịp thời hoàn thành chương trình năm học.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Trường đã triển khai thực hiện Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh (được điều chỉnh tại Công văn số 5131/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2017); Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học; Công văn 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, THPT ứng phó với dịch covid-19 năm học 2021-2022.

Giáo viên đã thực hiện theo chỉ đạo trong các văn bản trên trong các hoạt động xây dựng Kế hoạch giáo dục, Kế hoạch bài dạy, Sổ theo dõi và đánh giá học sinh đúng theo tinh thần chỉ đạo.

Tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ.

- Về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên theo Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng chính phủ: Trường thực hiện lồng ghép thông qua các nội dung tích hợp trong chương trình chính khóa qua các môn khoa học xã hội như: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Mĩ thuật, … ; Thông qua các hoạt động ngoại khóa như sinh hoạt dưới cờ, phát thanh măng non, các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm, tuyên truyền giáo dục pháp luật, ATGT, …

4. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- Năm học 2021-2022, trường tiếp tục đánh giá, xếp loại học sinh khối 7,8,9 theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT; Thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh lớp 6 theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Thông tư quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện điểm số và cập nhật điểm số trên phần mềm Quản lí giáo dục của ngành có thuận lợi, khó khăn như sau:

+ Thuận lợi:

Quản lí đầy đủ thông tin học sinh cả cấp học

Kết quả học tập của học sinh được cập nhật chính xác, công khai, minh bạch. Phụ huynh và học sinh có thể tra cứu kết quả học tập bất cứ lúc nào.

Thống kê số liệu báo cáo nhanh chống, kịp thời.

+ Khó khăn:

Ở học kì 1 xử lí, cập nhật dữ liệu quá chậm, mất nhiều thời gian; thường xuyên bị lỗi hệ thống gây khó khăn cho giáo viên, học sinh, đến học kì 2 có cải thiện tốt hơn.

+Kiến nghị đề xuất.

5. Kết quả 02 mặt giáo dục:

Quy mô phát triển trường lớp, học sinh, giáo viên:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TS HS đầu năm** | | **TSHS cuối năm** | | **Tăng** | **Giảm** | **Lý do** |
|  | SL | Nữ | SL | Nữ |  |  |  |
| 6 | *99* | 50 | 89 | 43 |  | 9+1 | C đi: 10, bỏ học: 1 |
| 7 | *139* | 63 | 136 | 63 | 2 | 5 | C đến: 2, C đi: 5 |
| 8 | *107* | 59 | 101 | 58 |  | 3+3 | C đi: 3, bỏ học: 3 |
| 9 | *113* | 50 | 109 | 50 |  | 4 | C đi: 4 |
| TC | **458** | 222 | 435 | 214 | 2 | 25 | Cđi: 21, đến: 2, bỏ học: 4 |

Tổng số học sinh đầu năm: 458, so với năm trước tăng 8 em.

Tổng số học sinh cuối năm: 435; giảm: 23 so với đầu năm học.

Lý do:

+ Chuyển trường đến: 2 em, chuyển đi: 21 em.

+ Bỏ học: 4 em. Nguyên nhân bỏ học do học lực yếu, các em ham chơi, gia đình không quan tâm nhắc nhở, nuông chiều con cái cho con nghỉ học.

Kết quả hai mặt giáo dục:

\* Hạnh kiểm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Sĩ số  HS | Tốt | | Khá | | Trung bình | | Yếu | | Trên TB | |
| SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| 6 | 89 | 74 | 83.1 | 14 | 15.7 | 1 | 1.1 | 0 | 0 | 89 | 100 |
| 7 | 136 | 126 | 92.6 | 4 | 11.1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 136 | 100 |
| 8 | 101 | 82 | 81.2 | 17 | 16.8 | 2 | 2.0 | 0 | 0 | 101 | 100 |
| 9 | 109 | 91 | 83.5 | 17 | 15.6 | 1 | 0.9 | 0 | 0 | 109 | 100 |
| **TC** | 435 | 373 | 85.7 | 57 | 13.1 | 5 | 1.1 | 0 | 0 | 435 | 100 |

So với năm học 2020-2021, tỉ lệ xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên tăng 0,7%, loại, hạnh kiểm loại khá, tốt tăng 3,5%.

\* Học lực:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Sĩ số**  **HS** | **Giỏi** | | **Khá** | | **Trung bình** | | **Yếu** | | **Kém** | | **Trên TB (%)** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 6 | 89 | 41 | 46.1 | 27 | 30.3 | 21 | 23.6 | 0 | 0 |  |  | 89 | 100 |
| 7 | 136 | 55 | 40.4 | 49 | 36.0 | 31 | 22.8 | 1 | 0.7 | 0 | 0 | 135 | 99.3 |
| 8 | 101 | 36 | 35.6 | 40 | 39.6 | 22 | 21.8 | 2 | 2.0 | 1 | 1.0 | 98 | 3.0 |
| 9 | 109 | 46 | 42.2 | 52 | 47.7 | 11 | 10.1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 109 | 100 |
| **TC** | 435 | 178 | 40.9 | 168 | 38.6 | 85 | 19.5 | 3 | 0.7 | 1 | 0.2 | 431 | 99.1 |

Tổng số học sinh được lên lớp thẳng: 43/1/435, tỉ lệ: 99,1% cao hơn năm trước 4,5%, vượt chỉ tiêu 3,1%.

Tổng số học sinh lưu ban hẳn: 1/435, tỉ lệ 0,2%, giảm 2,3%.

Tổng số học sinh thi lại: 3/435, tỉ lệ 0,7% giảm 2,2% so với năm trước.

6. Việc nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ của đơn vị.

Thực hiện dạy học môn Tiếng Anh chương trình GDPT 2018 cho khối lớp 6, chương trình Tiếng Anh 10 năm cho 100% học sinh lớp 7,8. Khối lớp 9 tiếp tục thực hiện chương trình Tiếng Anh 7 năm.

Trường đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh, có 2 giáo viên Tiếng Anh có trình độ B2, được bồi dưỡng năng lực dạy học môn Tiếng Anh.

Trường có các thiết bị dạy học môn Tiếng Anh như máy CD cassette, phòng Lab, bảng tương tác. Học sinh có đủ sách giáo khoa.

7. Báo cáo tình hình thu bảo hiểm y tế của đơn vị:

+ Thuận lợi.

Có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo tỉnh, huyện; có văn bản chỉ đạo công tác thu Bảo hiểm y tế.

Có sự quyết tâm thực hiện và kiểm tra, đôn đốc kịp thời của lãnh đạo trường, giáo viên chủ nhiệm và bộ phận phụ trách công tác thu.

Có sự đồng tình của cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe con em.

+ Khó khăn.

Thời gian học trực tuyến kéo dài đến cuối tháng 12/2021 nên công tác thu bị chậm tiến độ.

Một số gia đình học sinh gặp khó khăn về kinh tế do ảnh hưởng dịch Covid-19.

+ Giải pháp.

Trường thường xuyên quán triệt ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tham gia Bảo hiểm y tế đến học sinh và gia đình các em.

Kịp thời thông tin tình hình học sinh đã có Bảo hiểm y tế đến giáo viên chủ nhiệm các lớp để nhắc nhở các em tiếp tục tham gia bảo hiểm y tế theo qui định của Luật bảo hiểm y tế.

+ Kết quả: toàn trường có 435/435 (trong đó 8 em diện chính sách) học sinh có bảo hiểm y tế, tỉ lệ: 100%, trong đó: có 8 em bảo hiểm y tế diện chính sách.

**II. Chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018**:

1. Thông tin tuyên truyền:

Chuẩn bị bước vào năm học trường thông tin rộng rãi đến gia đình học sinh Danh mục sách giáo khoa lớp Sáu sử dụng trong địa bàn tỉnh Long An, Quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 của UBND tỉnh; Công văn số 4726/BGDĐT-GDTC về việc tổ chức hoạt động dạy trực tiếp tại các cơ sở giáo dục; Công văn 3135/PA-SGDĐT của Sở GDĐTvà Công văn 7550/PA-UBND của UBND huyện Thủ Thừa, Công văn 130/PA-THCS.BC của Trường THCS Bình Cang về phương án Phòng, chống dịch Covid-19 khi tổ chức cho học sinh học trực tiếp tại trường; Tuyên truyền hướng dẫn gia đình học sinh sử dụng phần mềm tài khoản học online; tuyển sinh đầu cấp; đóng tiền học phí trực tuyến…

2. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí: việc nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn hóa đội ngũ, đổi mới quản lí và nâng cao hiệu quả giáo dục dục và một số mô hình hay, đạt hiểu quả của đơn vị.

Trường cử cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn thay sách giáo khoa lớp 6, có 19 CBQL, giáo viên hoàn thành tập huấn các modun theo kế hoạch, trong đó có 2 giáo viên cốt cán, cử 22 BC, giáo viên tham gia tập huấn thay sách giáo khoa lớp 7; tập huấn tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19; tập huấn tổ chức dạy học trực tuyến cho giáo viên trung học; *tập huấn cho giáo thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 6;* tập huấn và hướng dẫn thực hiện học liệu dạy học “ATGT cho nụ cười ngày mai” cấp THCS; tập huấn xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra định kì;

Cử giáo viên đi học các lớp nâng cao trình độ để đạt chuẩn trình độ đào tạo. Có 1 giáo viên tự học (kinh phí tự túc) tốt nghiệp đại học, 3 giáo viên được cử đi học nâng cao trình độ đạt chuẩn.

Thực hiện phân công chuyên môn cụ thể cho từng thời điểm, đảm bảo giảng dạy đủ số tiết học theo phân phối chương trình của từng bộ môn của tất cả các lớp.

Xếp thời khóa biểu hợp lý, đảm bảo thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt.

Nhà trường có kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra nội bộ, phương án phòng chống dịch Covid 19 khi tổ chức dạy học trực tiếp; các tổ có kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, sổ ghi chép nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn; giáo viên có kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy, sổ theo dõi và đánh giá học sinh, sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên chủ nhiệm).

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

Trường tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia. Đặc biệt chú trọng các nội dung về chất lượng dạy học.

Kết thúc Năm học 2021-2022, Trường sẽ thực hiện Báo cáo Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục để đề nghị đánh giá ngoài đề nghị công nhận chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia vào cuối năm 2022.

**Về cơ sở vật chất**:

Trường có 5 phòng bộ môn gồm: phòng thực hành hóa, 1 phòng thực hành sinh, 1 phòng thực hành lí-công nghệ, 1 phòng tin học, 1 phòng lab. Mới đưa vào sử dụng: 1 phòng âm nhạc, 1 phòng thiết bị giáo dục; các phòng bộ môn có đầy đủ trang thiết bị dạy học tối thiểu.

Thiết bị dạy học được bảo quản, sử dụng hợp lý, đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học. Giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị dạy học trong các tiết dạy và các hoạt động.

Trường đã được đầu tư đưa xây dựng mới 10 phòng chức năng trị giá 3.995.301.000 đồng thay thế các phòng cũ xuống cấp không còn sử dụng được.

Chuẩn bị tiến hành chỉnh trang xây dựng lại hệ thống sân, đường, cấp thoát nước và cây xanh trong khuôn viên trường.

Trường có thư viện có đủ các loại sách, báo, tài liệu tham khảo, tạp chí phụ vụ hoạt động dạy học, nghiên cứu, có tủ sách giáo khoa dùng chung, tủ sách pháp luật, tủ sách giáo dục kỹ năng sống, tủ sách giáo dục an toàn giao thông, tủ sách giáo dục vể học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cuối năm học Thư viện trường được kiểm tra đánh giá đạt Thư viện Tiên tiến.

Do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19 nên năm học học này không thực hiện dạy học 2 buổi/ngày

4. Xây dựng các tổ hợp môn học:

Do chưa có giáo viên được đào tạo các môn tổ hợp môn học nên Trường tiến hành phân công giáo viên dạy học các môn Khoa học tự nhiên 6 và Lịch sử - địa lí 6 theo chuyên môn đào tạo. Nội dung kiến thức liên quan đến chuyên môn của giáo viên môn nào thì phân công giáo viên môn đó dạy và dạy học theo chuyên đề theo thứ tự trong kế hoạch dạy học.

5. Công tác Tuyển sinh lớp 6 trên hệ thống VNPT, xét TN THCS của Sở Giáo dục và Đào tạo các năm học trước.

Trường triển khai thực hiện phần mềm công tác tuyển sinh vào lớp 6 Năm học 2021-2022. Tuy nhiên, bước đầu phụ huynh học sinh còn bở ngở chỉ vài phụ huynh đăng kí tuyển sinh trực tuyến, đa số nộp hồ sơ đăng kí tuyển sinh trực tiếp, trường cử giáo viên phụ trách công nghệ thông tin giúp phụ huynh đăng kí tuyển sinh trực tuyến. Kết quả xét tuyển 92/92 học sinh trong địa bàn phụ trách vào lớp 6, tỉ lệ 100%.

Tiếp tục sử dụng phần mềm xét tốt nghiệp THCS của Sở GDĐT tirển khai.

**III. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phổ cập giáo dục**

- Thuận lợi:

Trường có phân công giáo viên giảng dạy và phụ trách công tác Giáo dục hướng nghiệp; Xã có Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục xóa mù chữ, trường có hiệu trưởng là thành viên ban chỉ đạo và có một giáo viên phụ trách công tác phổ cập giáo dục- xóa mù chữ.

- Khó khăn:

Nội dung tài liệu Giáo dục hướng nghiệp cũ không sát tình hình thực tiễn của đất nước, địa phương; do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng nên chưa tổ chức cho học sinh tham quan thực tế các ngành nghề hoặc các trường dạy nghề;

Năm học 2021-2022 có sự thay đổi giáo viên chuyên trách công tác PCGD.XMC nên có phần khó khăn trong thực hiện phần mềm quản lí công tác PCGD.XMC. Tuy nhiên, có sự hỗ trợ của Phòng GDĐT phân công giáo viên có kinh nghiệm công tác PCGD hỗ trợ nên hoàn thành cập nhật hồ sơ vào phần mềm kịp thời gian qui định.

- Kết quả:

Thực hiện đầy đủ nội dung và thời lượng các tiết giáo dục hướng nghiệp theo qui định.

Đến thời điểm tháng 10 năm 2021 tỉ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi 15-18 trên địa bàn xã Bình Thạnh tốt nghiệp THCS là: 417/448 tỷ lệ 92,87% xã được Đoàn kiểm tra của tỉnh đề nghị công nhận đạt chuẩn PCGD. THCS mức độ 2.

Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn: 371/417, tỷ lệ 82,63%. Số học sinh tốt nghiệp THCS/tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm qua: 107/ 108; tỷ lệ: 99.07 %.

- Nguyên nhân:

Có sự tập trung phấn đấu thực hiện công tác phổ cập giáo dục ngay trong trường học. Qui động 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp sáu, hạn chế tỉ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng học sinh, giảm tỉ lệ học sinh yếu, kém, lưu ban.

**IV. Đánh giá chung**

- Những kết quả đạt được: Trường huy động được 100% học sinh tốt nghiệp Tiểu học trong địa bàn tuyển sinh vào lớp Sáu; Thực hiện hoàn thành100% Kế hoạch dạy học linh hoạt, đảm bảo kết thúc năm học đúng Kế hoạch thời gian theo chỉ đạo của ngành; đảm bảo công tác duy trì sĩ số; chất lượng hai mặt giáo dục được củng cố và nâng lên; tỉ lệ học sinh lên lớp 99,1%; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS dự kiến đạt 100%.

Trong năm học trường tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào và hoạt động do ngành giáo dục tổ chức và ngành giáo dục phối hợp với các có liên quan phối hợp tổ chức đạt được nhiều giải như: Học sinh giỏi cấp huyện có 3 giải, học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh 1 giải; Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện 10 giải; Tuyên truyền Măng non 1 giải Nhì ; Giáo án tương tác 1 giải Nhì cấp huyện và 1 giải Nhì cấp tỉnh; Giáo viên dạy giỏi cấp huyện có 5 giáo viên được công nhận, trong đó có 1 giải.

- Những khó khăn hạn chế: Do ảnh hưởng tình hình Covid-19 nên còn một số học sinh gặp khó khăn trong thời gian học trực tuyến; Trường thiếu nhiều giáo viên, nhân viên phải phân công kiêm nhiệm nhiều việc nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công việc; Kế hoạch cải tại sửa chữa cơ sở vật chất chậm triển khai nên ảnh hưởng một phần đến hoạt động dạy học.

**V.** **Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2022-2023**

**I. Nhiệm vụ trọng tâm:**

1/ Làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp.

2/ Giữ vững và nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục.

3/ Thực hiện hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài cơ sở giáo dục theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT.

4/ Thực hiện tốt công tác Phổ cập giáo dục – xóa mù chữ.

**II**. **Phương hướng thực hiện:**

1/ Tiếp tục thực hiện tốt chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở khối lớp Sáu và triển khai thực hiện ở khối lớp Bảy.

2/ Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo tỉ lệ lưu ban, bỏ học.

3/ Xây dựng các giải pháp tích cực củng cố kỉ cương nền nếp trường học, xây dựng văn hóa nhà trường, thực hiện tốt qui tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

4/ Làm tốt công tác xây dựng đội ngũ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên học tập nâng cao trình độ.

5/ Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ minh chứng tiếp đoàn kiểm tra công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục vả công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia./.

***Nơi nhận:* HIỆU TRƯỞNG**

**-** Phòng GD&ĐT (báo cáo);

- UBND xã Bình Thạnh (báo cáo);

- Lưu: VP.

**Nguyễn Văn Đê**